

KINH TẾ TRUNG QUỐC THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI: HAI BỨC TRANH TƯƠNG PHẢN

PGS. TS PHẠM THÁI QUỐC

Viện Kinh tế và chính trị thế giới

ó quan điểm cho rằng, tăng trưởng cao và phát triển bền vững là mâu thuẫn nhau. Đã tăng trưởng cao thì thiếu bền vững và ngược lại, duy trì được tăng trưởng bền vững thì nhịp độ tăng lại thấp hoặc vừa phải chứ không cao. Một số nền kinh tế đang phát triển chỉ mãi mê theo đuổi tốc độ tăng trưởng cao, dốc sức đầu tư thật nhiều vào sản xuất nhằm đạt được mục tiêu tăng quy mô nền kinh tế càng nhanh càng tốt. Chính vì vậy mà sao nhãng hay thiếu đầu tư cho bảo vệ môi trường, cho giáo dục, cho đổi mới công nghệ... Kết quả là sau một số năm tăng trưởng cao, các nền kinh tế này phải đối mặt với nhiều vấn đề, do đó không thể tiếp tục đà tăng trưởng nhanh như trước. Như vậy, đây là nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhưng không bền vững. Ngược lại, một số nền kinh tế khác, ngay từ đầu đã quan tâm đến cả đầu tư phát triển sản xuất, cả đầu tư cho bảo vệ môi trường, phát triển giáo dục đào tạo và công nghệ... mức tăng trưởng có được

không cao nhưng được duy trì ổn định. Có vẻ có lý khi cho rằng, trong một hoàn cảnh, một điều kiện nhất định, rất khó có đủ nguồn lực để đạt được cả hai mục tiêu đề ra. Một khi tập trung sức làm cho chiếc bánh to hơn nhanh chóng, người ta không thể làm cho chiếc bánh đó cũng thơm hơn, ngon hơn.

Như vậy, phải chăng là các nền kinh tế có mức tăng trưởng nhanh thường chứa đựng nhiều nhân tố kém bền vững? Chúng ta thử xem xét điều này qua việc phân tích hai bức tranh tương phản về kinh tế Trung Quốc trong thập niên đầu thế kỷ XXI.

I. BỨC TRANH THỨ NHẤT: TRUNG QUỐC VỚI NHIỀU KỶ LỤC TĂNG TRƯỞNG

Thập kỷ đầu tiên của thế kỷ 21 chứng kiến rất nhiều kỷ lục liên quan đến tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc.

Thứ nhất, đầu thập kỷ, năm 2002, sau sự kiện 11/9, Trung Quốc được biết đến như một nước thu hút FDI lớn nhất

thế giới sau khi FDI vào nước này (hơn 50 tỷ USD) vượt mức FDI vào Mỹ.

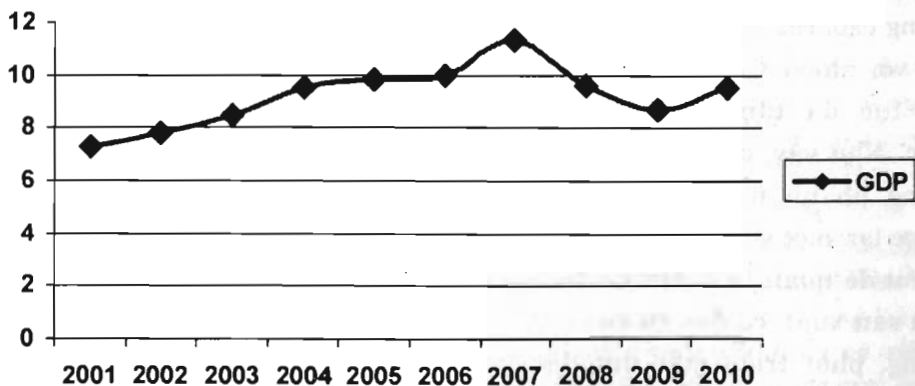
Thứ hai. về mức tăng trưởng trung bình trong cả thập kỷ, Trung Quốc cũng được xếp vào nhóm các nước tăng trưởng cao nhất thế giới. Cuối thập kỷ, năm 2009, trong khi toàn thế giới bị chìm sâu trong khủng hoảng, trì trệ - với nhiều nền kinh tế tăng trưởng âm thì Trung Quốc vẫn duy trì mức tăng 8,7% - thuộc loại cao nhất thế giới.

Thứ ba, nhờ tăng trưởng nhanh, Trung Quốc cũng lập kỷ lục vượt đuổi về quy mô kinh tế với nhiều cường quốc của thế giới. Năm 2001, với 1160 tỷ USD Trung Quốc lần đầu tiên gia nhập câu lạc bộ các nước có GDP 1 ngàn tỷ USD. Thế nhưng chỉ 5 năm sau, đến 2005, tổng GDP của Trung Quốc vượt mức của Anh, vươn lên đứng thứ 5 thế giới. Năm 2008, tổng GDP của Trung Quốc lại tiếp tục vượt mức của Đức, vươn lên đứng thứ 3 thế giới. Trong năm 2010 này, rất có thể GDP của Trung Quốc sẽ vượt mức của Nhật bản.

Thứ tư, Trung Quốc đã lập kỷ lục về việc có được mức dự trữ ngoại tệ lớn nhất thế giới với trên 2300 tỷ vào giữa năm 2009. Hỗ trợ cho điều này là mức xuất siêu tăng vọt hơn 12 lần, từ mức 24 tỷ USD năm 2000 đã tăng lên 295 tỷ USD năm 2008. Về thương mại, trong 8 năm, giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu (XNK) tăng từ 474 tỷ USD lên 2561 tỷ USD (2008). Tỷ trọng tổng kim ngạch XNK/ GDP tăng từ gần 40% lên 58%. Tỷ trọng xuất khẩu/ GDP tăng từ 20% lên 32%. Năm 2009, xuất khẩu của Trung Quốc đã vượt mức của Đức, vươn lên đứng đầu thế giới. Với mức dự trữ ngoại tệ lớn, Trung Quốc cũng lập kỷ lục, được biết đến như một chủ nợ lớn của Mỹ khi mua nhiều trăm tỷ USD trái phiếu của cường quốc số một thế giới này.

Thứ năm, Trung Quốc lập kỷ lục như một nước thứ 3 thành công với 3 lần phóng tàu, đưa người lên vũ trụ vào các năm 2003, 2005 và 2008.

Biểu 1: TỐC ĐỘ GIA TĂNG GDP CỦA TRUNG QUỐC 2001 - 2010 (%)



Ngoài ra, phải kể đến các kỷ lục khác như: lần đầu tiên Trung Quốc có số tỷ phú nhiều thứ 2 thế giới, chỉ sau Mỹ. Nếu năm 2006, cả nước Trung Quốc chỉ có 15 tỷ phú đô la thì năm 2007, nước này có đến 108 tỷ phú đô la. Năm 2008 là 130. Bên cạnh đó, Trung Quốc còn có 345 triệu phú đô la. Trung Quốc là một cường quốc mới về cung ứng FDI ra nước ngoài. Năm 2003, Trung Quốc chỉ đầu tư 2,9 tỷ USD FDI ra nước ngoài, đến những năm cuối thập kỷ, mỗi năm Trung Quốc đưa vài chục tỷ USD ra nước ngoài, với con số năm 2007 là hơn 26 tỷ USD, năm 2008 là hơn 52 tỷ USD.

Đánh giá về thập kỷ đầu tiên của thế kỷ 21, theo nghiên cứu của The Global Language Monitor, một tổ chức theo dõi báo chí và truyền thông của Mỹ, sự trỗi dậy của Trung Quốc trở thành cường quốc kinh tế là đề tài thu hút sự chú ý lớn nhất của dư luận trong thập kỷ này, vượt qua cả cuộc chiến Iraq và vụ tấn công khủng bố ngày 11/9/2001. Sự vươn lên của Trung Quốc tới một nấc thang mới về kinh tế đã làm thay đổi - và vẫn đang tiếp tục thách thức - trật tự thế giới mới", *Reuters* trích lời bình luận của Paul JJ Payack, Chủ tịch Global Language Monitor, "Không có gì bất ngờ, sự chuyển mình của Trung Quốc đã đánh bại mọi tin tức khác trong thập kỷ này, kể cả tin về chiến tranh, tai họa kinh tế hay thảm họa thiên nhiên".

Ở bức tranh thứ nhất, chúng tôi cũng không muốn nói thêm nữa vì đã có khá nhiều công trình nghiên cứu đề cập những thành công kinh tế của Trung

Quốc trong 10 năm đầu thế kỷ 21. Trong bức tranh kinh tế vừa mô tả, với nhiều kỷ lục có được, người ta có thể nghe thấy tiếng mở nút sâm banh chúc mừng, thấy màu sắc lung linh huyền ảo của pháo hoa và tiếng reo hò vang trời dậy đất vì chiến thắng, mừng chiến thắng. Tuy nhiên, nếu mô tả kinh tế Trung Quốc, chỉ dừng lại ở bức tranh này thì chưa đủ. Chúng ta cần xem bức tranh thứ hai.

II. BỨC TRANH THỨ HAI: CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG THẤP.

Bức tranh thứ nhất cho thấy tốc độ tăng trưởng ở Trung Quốc là khác cao, thập chí rất cao. Còn chất lượng tăng trưởng thì sao ?.

Thứ nhất, phân tích chỉ số về tính hiệu quả của đầu tư ICORs (Incremental Capital - Output Ratios), chỉ số này nói lên tính hiệu quả của đầu tư tính bằng tỷ lệ vốn trên sản lượng cận biên). Chỉ số ICORs cho biết cần đầu tư bao nhiêu để có được mỗi điểm phần trăm GDP trong tăng trưởng kinh tế. Chỉ số ICORs càng thấp thì khối lượng nguồn lực cần thiết để có thêm 1% GDP trong tăng trưởng kinh tế càng nhỏ, có nghĩa là hiệu quả của đầu tư càng cao. Chỉ số ICOR của Trung Quốc trong những năm 1991-1995 là 3,4. Trong giai đoạn 1996-2000 là 4,5. Năm 2000 là 4,51. Trong những năm 2001-2003 là 5,1. Điều này cho thấy, so với hai thập kỷ trước, gần đây, để có 1% tăng GDP, Trung Quốc cần nhiều vốn đầu tư hơn, có nghĩa là hiệu quả đầu tư thấp hơn.

Thứ hai, chất lượng tăng trưởng ở Trung Quốc trong thập kỷ qua là thấp còn được thấy ở những khía cạnh sau đây.

1. Vấn đề khai thác tài nguyên quá mức và nguy cơ cạn kiệt tài nguyên.

Trung Quốc là một công xưởng của thế giới, nước này không chỉ sản xuất một khối lượng lớn sản phẩm công nghiệp để đáp ứng nhu cầu khổng lồ của cư dân trong nước mà còn đáp ứng nhu cầu xuất khẩu. Để đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành công nghiệp, mỗi năm Trung Quốc cần một lượng nguyên vật liệu khổng lồ, phần lớn trông chờ vào khai thác tài nguyên. Năm 2007 Trung Quốc khai thác 2536 triệu tấn than (tăng 6,9%), 187 triệu tấn dầu thô. Năm 2008, Trung Quốc sản xuất 22,78 triệu tấn ôxit nhôm; 500,9 triệu tấn phôi thép; 584,88 triệu tấn thép cuộn; 25,2 triệu tấn của 10 loại kim loại màu, trong đó đồng là 3,78 triệu tấn, nhôm là 13,17 triệu tấn...; Cũng trong năm 2008, Trung Quốc khai thác 2,793 tỷ tấn than; 190 triệu tấn dầu thô; 76 tỷ m³ khí đốt; 3466,8 tỷ Kwh điện, trong đó nhiệt điện là 2790 tỷ Kwh, thủy điện là 585,19 tỷ Kwh... Mặc dù trong nước còn có trữ lượng lớn về thủy điện, về than... nhưng một số loại tài nguyên, nhiên liệu dùng làm năng lượng, nguyên vật liệu thiết yếu (như dầu lửa, quặng kim loại...) đã có dấu hiệu cạn kiệt, biểu hiện ở khả năng khai thác thấp dần.

Để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu đang tăng rất mạnh, Trung Quốc đã và đang thiếu và phải nhập khẩu rất nhiều loại

tài nguyên khoáng sản mà trường hợp dầu mỏ là một ví dụ điển hình. Đã có không ít công trình nghiên cứu đề cập vấn đề này. Tình hình đó cho thấy sức ép đối với khai thác tài nguyên ở Trung Quốc là quá lớn và nguy cơ khai thác quá mức, dẫn đến khả năng cạn kiệt nhiều nguồn tài nguyên đang bộc lộ.

2. Vấn đề ô nhiễm môi trường

Sự phát triển nhanh và liên tục của Trung Quốc trong 30 năm qua, đặc biệt trong 10 năm gần đây mang trong mình những tiềm ẩn về hiểm họa ô nhiễm môi trường sinh thái. Nhiều thành phố ở Trung Quốc đã được đưa vào danh sách các thành phố có mức độ ô nhiễm đứng hàng đầu thế giới. Bên cạnh sự gia tăng khí thải ô tô, nguyên nhân chính gây ô nhiễm không khí ở Trung Quốc là việc sử dụng rộng rãi than đá có hàm lượng lưu huỳnh cao. Hơn nữa, công nghệ sản xuất ở Trung Quốc phần lớn đã lạc hậu

Từ năm 2003, mỗi năm Trung Quốc có ít nhất 5 triệu TV, 4 triệu tủ lạnh, 6 triệu máy giặt... cần vứt bỏ. Thực hiện chủ trương kích cầu - đối phó với khủng hoảng kinh tế thế giới- từ cuối năm 2008, Chính phủ khuyến khích dân mua ô tô mới, theo ước tính năm 2009, Trung Quốc có 2,7 triệu ô tô bị thanh lý. Đó là nguồn gây ô nhiễm kim loại nặng không thể coi thường. Các điểm nối mạch trong các loại xe cộ máy móc này bằng thiếc, chì, bạc kẽm, đồng..., khi tận dụng thường gây ra ô nhiễm. Tình hình ô nhiễm càng trầm trọng hơn khi nhiều công ty Trung Quốc khi xuất khẩu hàng ra nước ngoài đã tận dụng công suất vận

tải chiều ngược lại, nhập khẩu vật liệu phế thải rẻ về tái chế, dùng làm nguyên liệu đầu vào.

Báo cáo công tác của Chính phủ Trung Quốc tháng 3-2008 tại Quốc hội cho biết, năm 2007, Trung Quốc đã giải quyết cho 97,48 triệu cư dân nông thôn gặp khó khăn trong việc cung cấp nước uống và dùng nước uống không an toàn. Năm 2008, Chính phủ lên kế hoạch giải quyết vấn đề nước uống không an toàn cho 32 triệu nông dân...

Ô nhiễm môi trường có căn nguyên từ cơ cấu năng lượng sử dụng. Năm 2005, trong tổng các loại năng lượng sử dụng, tiêu dùng than chiếm 68,7%, dầu khí chiếm 24%, thủy điện và điện hạt nhân chiếm 7,3%. Điều này đúng với một ý kiến nhận xét: “Cho đến năm 2007, trong khi thế giới đã chuyển sang dầu khí (Anh đứng đầu) hay năng lượng hạt nhân (Pháp đứng đầu)... thì Trung Quốc vẫn nằm ngoài trào lưu phát triển năng lượng thế giới - *đang ở trong thời đại than đá*, với hiệu suất và hiệu quả rất thấp”. Năm 2007, than chiếm 69,4% tổng năng lượng thô sử dụng và chiếm 82,9% năng lượng dùng trong phát điện, cao hơn nhiều so với mức bình quân của thế giới (26,2% và 40%) (IEA, 2007). Từ năm 2007, Trung Quốc dùng tới trên 3 tỷ tấn than/năm. Cộng thêm khói bụi của hàng vạn nhà máy chưa qua xử lý, của hàng chục triệu chiếc ô tô, xe có động cơ... đã làm cho Trung Quốc trở thành nước có lượng khí thải CO₂ vào loại lớn nhất thế giới. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, mỗi năm Trung Quốc có

khoảng 750.000 người chết vì ô nhiễm (chủ yếu là do ô nhiễm không khí), còn số người sau hàng chục năm mới chết vì bị ung thư thì chưa tính được. 60% dân số thành phố Trung Quốc chịu mức ô nhiễm không khí cao hơn 5 lần tiêu chuẩn của WHO. Những số liệu trên cho thấy ô nhiễm môi trường đã trở nên báo động ở Trung Quốc trong thập niên đầu thế kỷ 21.

3. Chênh lệch phát triển

Vấn đề chênh lệch phát triển cũng đang ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn ở Trung Quốc. Chênh lệch phát triển được thấy qua nhiều khía cạnh: chênh lệch phát triển giữa các tỉnh, giữa các vùng miền, giữa các ngành nghề. Nổi bật là chênh lệch về thu nhập, về mức sống giữa các cá nhân với nhau. Trong thập kỷ đầu của thế kỷ 21, Trung Quốc được biết đến như một nước có nhiều tỷ phú vào bậc nhất nhì thế giới. Nếu năm 2006, cả nước Trung Quốc chỉ có 15 tỷ phú đô la thì năm 2007, nước này có đến 108 tỷ phú đô la. Năm 2008 là 130 người. Bên cạnh đó, Trung Quốc còn có hàng trăm triệu phú đô la. Tuy nhiên, Trung Quốc cũng là một trong số ít những quốc gia có số lượng lớn người nghèo trên thế giới. Theo tiêu chuẩn Trung Quốc: mức nghèo tuyệt đối của nông dân là thu nhập dưới 785 NDT người/năm, thì năm 2007 còn có 14,79 triệu người; còn nếu theo tiêu chuẩn thu nhập thấp 786-1067NDT/ năm thì có 28,41 triệu người. Tuy nhiên, báo cáo của Ngân hàng châu Á năm 2007, có 300 triệu người Trung Quốc mà chủ yếu là

nông dân, có thu nhập dưới 1 USD/ngày.

Theo một giáo sư ở Hiệp hội nghiên cứu Đông Nam Á của Trung Quốc, mức lương của viên chức ở mọi nơi thuộc Trung Quốc là như nhau. Tuy nhiên, mức phụ cấp lương lại khác nhau giữa các địa phương và thường rất cao ở các thành phố lớn. Năm 2008, thu nhập bình quân đầu người ở Vân Nam chỉ là 1874 USD, trong khi mức của Thượng Hải là hơn 10 ngàn USD. Lương của một giáo sư ở Vân Nam là khoảng 4000 NDT/tháng. Tuy nhiên, ở Thượng Hải, mức đó được cộng thêm với phụ cấp 5000 NDT/tháng⁽⁴⁾.

Chênh lệch phát triển, một khi không được quan tâm giải quyết thoả đáng sẽ trở thành nguy cơ lớn gây bất ổn xã hội, cản trở những bước tiến trong quá trình phát triển của đất nước.

4. Trình độ công nghệ và mức độ sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên của Trung Quốc trong nhiều thập kỷ nhìn chung là thấp, và tình hình này vẫn chưa có chuyển biến nhiều trong thập niên qua. Năm 1995, để tạo ra một đơn vị sản xuất trong nước, Trung Quốc cần gần 3 kg than tiêu chuẩn, cao gần gấp đôi so với mức 1,8 kg của Ấn Độ. Cũng như vậy, nếu Ấn Độ cần 90 tấn thép cho một công trình thì với một công trình tương tự, Trung Quốc cần đến 127 tấn. Cho đến năm 2003, tiêu hao năng lượng của Trung Quốc trên một đơn vị GDP vẫn cao gấp 4 lần so với mức bình quân của thế giới, gấp 11 lần so với mức của Nhật Bản.

Theo nghiên cứu của Viện Khoa học xã hội Trung Quốc, vào đầu những năm 2000, Trung Quốc xếp thứ 56 trong số 59 nước được khảo sát về sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên, trong khi các nước: Đan Mạch, Thụy Sĩ, Ai Len, Anh, Hà Lan, Na Uy là những nước sử dụng tài nguyên có hiệu quả nhất thế giới. Tính kém hiệu quả của Trung Quốc thể hiện trong việc sử dụng 5 loại tài nguyên chính là: năng lượng, nước, xi măng, sắt và kim loại màu - cao gấp 1,9 lần so với mức trung bình của thế giới trong năm 2003. Thực tế này cho thấy Trung Quốc chưa thoát ra khỏi mô hình phát triển dựa vào sử dụng quá nhiều tài nguyên.

5. Hàng kém hoá chất lượng

Trong những năm 2004 - 2006 hàng Trung Quốc từng bị nhiều quốc gia kêu than về chất lượng kém. Tuy nhiên năm 2008 là một điển hình. Năm 2008, Trung Quốc được nhiều nước biết đến vì đã đưa ra thị trường (nội địa và quốc tế) sữa bần do bị nhiễm Melamine. Vụ việc dẫn đến làn sóng mạnh mẽ về thu hồi sữa Trung Quốc ở các nước và vùng lãnh thổ (Singapore, Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan...), một số nước còn tiến hành tịch thu, hoặc kêu gọi tẩy chay hàng Trung Quốc (Myanma). Sự việc đã một lần nữa cảnh báo về những yếu kém trong quản lý chất lượng thực phẩm ở Trung Quốc. Đồng thời, điều này một mặt làm khó khăn cho ngành chăn nuôi lấy sữa, mặt khác làm giảm uy tín hàng Trung Quốc trên thị trường thế giới.

EU là một đối tác thương mại lớn của Trung Quốc. Ủy ban châu Âu (EC) cho

biết Trung Quốc hiện là nguồn cung chủ yếu cho các loại hàng giả tuồn vào thị trường EU, chiếm 54% trong năm 2008. EC còn cho biết số hàng giả tuồn vào EU bị bắt giữ tăng tới 125 % vào năm 2008. Năm 2008, mặt hàng bị làm giả có nguồn gốc Trung Quốc bị hải quan của các nước thành viên EU bắt giữ tăng gấp 2,3 lần con số năm 2007. Các mặt hàng bị làm giả nhiều nhất là đĩa CD và DVD, thuốc lá và thuốc chữa bệnh⁽⁶⁾.

Trong khi Trung Quốc đang thực hiện nhiều nỗ lực để nâng cao hình ảnh, vai trò nước lớn của mình thì việc nhiều hàng Trung Quốc có chất lượng kém lại làm giảm uy tín của Trung Quốc trong con mắt của người tiêu dùng thế giới.

6. Vấn đề tỷ giá đồng NDT

Sự gia tăng nhanh xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ khiến Mỹ chịu thâm hụt trong buôn bán với Trung Quốc ngày càng lớn. Trong những năm 1997, 1998 mức thâm hụt là 49,6 tỷ USD và 56,9 tỷ USD. Sang năm 2002 mức thâm hụt là 103 tỷ USD và năm 2003, con số ước tính khoảng 120 tỷ USD. Năm 2008 là 266 tỷ USD và số liệu sơ bộ năm 2009 là 243 tỷ USD (số liệu của Mỹ)⁽⁷⁾.

Mỹ cho rằng một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do chế độ quản lý tỷ giá của Trung Quốc. Từ nhiều năm nay, đồng NDT được ấn định tỷ giá cố định với đồng USD, trong khi đồng USD bị mất giá so với EURO, Yên Nhật... khiến hàng xuất khẩu của Trung Quốc rẻ hơn nhiều dẫn đến mức thâm

hụt buôn bán lớn của Mỹ. Mỹ cho rằng Trung Quốc phải chịu trách nhiệm về việc 2,7 triệu người Mỹ mất việc làm trong 3 năm (2004-2006) và cho rằng Trung Quốc cần nới lỏng kiểm soát tỷ giá hoặc thả nổi đồng NDT, khi làm như vậy, đồng NDT có thể tăng giá 30-40%. Theo nhà kinh tế Nicholat Lardy: "Nếu Trung Quốc định giá lại đồng NDT ở mức 20% thì sẽ làm thặng dư mậu dịch của Trung Quốc trong buôn bán với Mỹ giảm bớt khoảng 10 tỷ USD". Bộ trưởng thương mại Mỹ trong chuyến thăm Trung Quốc từ ngày 28/10-4/11/2003 cho rằng, Trung Quốc phải điều chỉnh chính sách tiền tệ, mở cửa thị trường cho sự thâm nhập của hàng hoá Mỹ.

Trong ngắn hạn, những bằng chứng cho thấy xác suất để Trung Quốc chuyển hẳn sang chế độ thả nổi tỉ giá là rất nhỏ. Tuy nhiên, do sức ép từ Mỹ và EU nên chắc chắn Trung Quốc sẽ phải tiếp tục định giá lại đồng NDT. Mâu thuẫn và xung đột lợi ích giữa Trung Quốc với Mỹ và EU sẽ quyết định quỹ đạo và biên độ của những thay đổi này trong thời gian tới.

Từ những phân tích trên, có thể thấy chất lượng tăng trưởng ở Trung Quốc còn thấp. Nhiều vấn đề nảy sinh trong quá trình tăng trưởng cao ở Trung Quốc đang đe dọa rất lớn đến đời sống con người, sức khoẻ môi trường, ổn định xã hội, uy tín quốc tế của Trung Quốc Chính những vấn đề này là nguy cơ gây trở ngại đến quá trình phát triển bền vững ở Trung Quốc.

Nếu ở bức tranh thứ nhất, người ta vui, phấn khởi reo hò đến vang trời dậy đất vì những kỷ lục chưa từng có liên quan đến tăng trưởng nhanh của Trung Quốc thì ở bức tranh thứ hai, người ra lại bần khoản, buồn bã, ủ rũ, lo lắng, phiền muộn, thậm chí còn kêu trời vì nhiều vấn đề liên quan đến chất lượng tăng trưởng thấp ở Trung Quốc. Đây là hai bức tranh tương phản không được đặt trong cùng một phòng trưng bày.

Tiếp tục với đà tăng trưởng đang có, đặc biệt là với sự phục hồi từng bước kinh tế thế giới như hiện nay, Trung Quốc được đánh giá sẽ tiếp tục tăng trưởng cao trong giai đoạn sắp tới, khẳng định vị thế cường quốc của mình. Tuy nhiên, hai bức tranh tương phản như trên cho thấy rất có thể trong tương lai Trung Quốc không chỉ gặt hái được nhiều thành tựu kinh tế lớn lao, mà còn có thể tiếp tục phát triển với nhiều vấn đề nảy sinh và hậu quả khó lường.

Việt Nam hiện cũng được xem là một trong số ít những nền kinh tế tăng trưởng nhanh ở Đông Á. Cho dù hai bức tranh tương phản trên về Trung Quốc không được đặt trong cùng một phòng trưng bày, nhưng khi ghép lại trong một bài viết thì rất đáng để suy ngẫm và liên hệ với thực tiễn ở nước ta.

III. NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

Về lý thuyết, cung cầu luôn cân đối thì thị trường ổn định. Tuy nhiên, trong nền kinh tế tăng trưởng nhanh thì những biến động cung cầu rất mạnh. Sản xuất phát triển mạnh khiến nhu

cầu đầu vào như nguyên liệu năng lượng... tăng đột biến, mức cung các yếu tố này chưa theo kịp, điều này dễ dàng gây phá vỡ cân bằng trên thị trường.

Nền kinh tế tăng trưởng nhanh do đầu tư tăng mạnh. Đầu tư tăng đòi hỏi lượng tiền mặt lớn hơn. Trong những thời điểm nhất định, điều này mâu thuẫn với tình hình thực tế, làm cho đồng tiền bị khan hiếm tương đối, gây khó khăn cho sản xuất và lưu thông. Để đáp ứng nhu cầu đầu tư tăng, nếu cung tiền quá nhiều dễ gây tình trạng lạm phát. Điều này lại làm ảnh hưởng lớn đến đời sống của đội ngũ những người làm công ăn lương. Nền kinh tế tăng trưởng nhanh thường tạo ra sức ép tăng quá mức cầu về nguyên liệu, năng lượng, lao động... dễ dẫn đến sức ép tăng khai thác các nguồn tài nguyên quá mức, gây mất cân bằng sinh thái. Mặt khác, các nhu cầu về nguyên vật liệu, năng lượng tăng nhanh trong những thời điểm nhất định còn gây khó khăn trong nhiều lĩnh vực khác như cấp điện, cấp nước, nhu cầu vận tải... không đáp ứng kịp. Trong rất nhiều trường hợp, sản xuất tăng quá nhanh lại hàm chứa những nguy cơ khủng hoảng, đặc biệt là khủng hoảng thừa. Do không tính toán được, đầu tư cao, quá mức trong một thời gian dài dẫn đến sản phẩm tồn đọng nhiều trong kho, nếu không tiêu thụ được, nhiều doanh nghiệp phải bán đổ bán tháo để thu hồi vốn, nếu không sẽ không trả được nợ cho ngân hàng, dẫn đến nguy cơ doanh nghiệp bị phá sản.

Về mặt xã hội, trong nền kinh tế tăng trưởng nhanh (đặc biệt trong điều kiện

tự do hoá kinh tế) cũng xuất hiện khoảng không, xuất hiện nhiều điều kiện, cơ hội cho nhiều hành vi lợi dụng, trục lợi, vi phạm pháp luật khi mà các lực lượng xã hội đều bị cuốn hút rất mạnh vào vòng xoáy kiếm tiền, tìm lợi nhuận. Chính vì vậy, tăng trưởng nhanh cũng đi đôi với tham nhũng, hối lộ. Ở Đài Loan, Hàn Quốc điều này đã được minh chứng rất rõ. Chính vì vậy, chất lượng tăng trưởng kinh tế phải hài hòa với chất lượng dân sinh. Vấn đề đặt ra là thành quả tăng trưởng kinh tế có thực sự mang lại sự bình an và hạnh phúc cho mỗi con người, hay chỉ ít cho phần đông nhân dân lao động?

Một khía cạnh khác là tăng trưởng và bất bình đẳng. Tăng trưởng nhanh cũng thường đi đôi với sự gia tăng bất bình đẳng xã hội. Việc gia nhập WTO cho phép và thúc đẩy thương mại tự do, khai thác có hiệu quả các nguồn lực của xã hội. Tuy nhiên điều này cũng đặt một số lực lượng yếu thế trong xã hội như người nghèo, người cô đơn, người khuyết tật, nông dân... vào tình trạng phải cạnh tranh gay gắt thậm chí là một mất một còn với các thực thể khác. Rõ ràng khi một nền kinh tế tăng trưởng quá nóng cũng gây rất nhiều vấn đề, chính vì vậy, mà ở Trung Quốc vẫn phải làm những việc mà người ta gọi là “điều chỉnh”, là “hạ cánh mềm”, hay “sửa nhà trước khi bão” để đối phó khi nền kinh tế tăng trưởng trên 10%. Phải chăng các vấn đề kinh tế, xã hội nảy sinh là bạn đồng hành với tăng trưởng nhanh.

Kết luận

Từ thực tế về hai bức tranh tương phản nêu trên ở Trung Quốc, có thể rút ra một số kết luận như sau:

1. Khi một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, các vấn đề nảy sinh về kinh tế, xã hội và môi trường là khó tránh khỏi, do đó cần có quan điểm và mục tiêu phát triển phù hợp với nhu cầu và năng lực quốc gia. Theo quan điểm phát triển bền vững, mỗi quốc gia có thể vạch ra cho mình những chiến lược và chính sách nhằm tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững, đảm bảo những nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến thế hệ tương lai.

2. Tham nhũng, ô nhiễm môi trường, nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, sự gia tăng bất bình đẳng xã hội... không phải là những hiện tượng tất yếu, càng không thể là bạn đồng hành với tăng trưởng nhanh mà chỉ là kết quả của tình trạng quản lý kém, của sự nhận thức thiếu đầy đủ, thiếu táo về phát triển bền vững. Là kết quả của sự quá mải mê theo đuổi, thậm chí theo đuổi mù quáng tốc độ tăng trưởng cao, của sự hy sinh mất mát nhiều lợi ích lâu dài của xã hội để theo đuổi lợi ích ngắn hạn, trước mắt.

3. Bất kỳ nước đang phát triển nào cũng mong muốn có được mức tăng trưởng cao, trong nhiều năm, để vươn lên, theo kịp các nước phát triển hơn. Tuy nhiên, trong quá trình này, các mục tiêu về xã hội, về môi trường cũng phải được coi trọng như mục tiêu về tăng trưởng. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng phải quan tâm đúng mức và kết

hợp các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, cải thiện các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường.

4/ Nhận thức về tăng trưởng bền vững phải được coi trọng trong công tác đào tạo cán bộ các cấp, phải được phổ biến cho toàn dân. Cốt lõi của vấn đề vẫn là coi trọng, đề cao giáo dục ý thức về môi trường bên cạnh giáo dục kiến thức chuyên môn. Trong môi trường có môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Giữ gìn môi trường bao gồm cả đảm bảo sự trong sạch cả môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.

CHÚ THÍCH:

(1) (PPI | Trade Fact of the Week | June 25, 2003 Foreign Investment in the United States Has Fallen by 90 Percent Since 2000, http://www.ppionline.org/ppi_ci.cfm?knlgAreaID=108&subsecid=900003&contentid=251817)

(2) (Những tin tức nổi bật nhất 10 năm qua, <http://vnexpress.net/GL/The-gioi/Phan-tich/2009/12/3BA16756/>).

(3) (Why China's Investment Efficiency is Low- Financial reforms are lagging behind, <http://www.rieti.go.jp/en/china/04061801.html>)

(4) (Chu Trấn Minh trong bài nói chuyên tại Viện Kinh tế và chính trị thế giới ngày 27/8/2009).

(5) (<http://www.socbay.com/news/detail/trung-quoc-la-nguon-cung-cap-hon-mot-nua-hang-gia>).

(6) (CRS, Wayne, China – US Trade Issues, June 3/2009, tr. 2)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. China sets 2010 economic growth rate at 8%, stressing quality of growth,

March 5, 2010, http://www.gov.cn/english/2010-03/05/content_1548197.htm

2. Ma Jiantang, National Economy: Recovery and Posing in the Good Direction in 2009, National Bureau of Statistics of China

3. Why China's Investment Efficiency is Low- Financial reforms are lagging behind, <http://www.rieti.go.jp/en/china/04061801.html>)

4. China's Environmental Crisis, August 26, 2007, http://www.nytimes.com/interactive/2007/08/26/world/asia/20070826_CHINA_GRAPHIC.html.

5. 10 Environmental Issues in China You Didn't Know About, <http://matadorchange.com/10-environmental-atrocities-in-china-that-you-didnt-know-about>

6. Environmental concerns in China: problems, policies, and global implications

7. Xiaofan Li, International Social Science Review, Spring-Summer, 2006

8. CRS, Wayne, China – US Trade Issues, June 3/2009

9. Global Fortune 500,

10. Wayne M. Morrison, China' Economic conditions, Báo cáo của Ban nghiên cứu phục vụ quốc hội Mỹ, 5/5/2009

11. International Energy Agency, 2007 World Energy Outlook

12. Thúc đẩy tăng NSLĐ nông nghiệp và thu nhập nông thôn ở Việt Nam: bài học kinh nghiệm từ các nước trong khu vực, báo cáo của tác giả cùng nhóm chuyên gia Quỹ Châu Á tại VN, Bc tại Hà Nội 7/12/2009.

13. Phạm Thái Quốc: *Nghiên cứu so sánh tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc và Ấn Độ*, NXB Khoa học xã hội, Hà nội 2008

14. Kinh tế Trung Quốc tiếp tục vươn lên trong năm 2009 bất chấp Khủng hoảng toàn cầu, TLTKĐB 26/12/2009